

## KHU HỆ CHIM VƯỜN QUỐC GIA LÒ GÒ - XA MÁT, TỈNH TÂY NINH

LÊ MINH HÙNG

*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật*

ANDREW W. TORDOFF

*Chương trình Birdlife Quốc tế tại Việt Nam*

Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát là một trong 22 Vườn quốc gia (VQG) hiện có ở Việt Nam. Vườn được thành lập theo quyết định số 91/2002/QĐ - TTg ngày 12/7/2002 của Thủ tướng Chính phủ với tổng diện tích là 18.765 ha. VQG Lò Gò - Xa Mát nằm trong địa phận huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh (11<sup>0</sup>19'-11<sup>0</sup>40'N, 105<sup>0</sup>49'-105<sup>0</sup>59'E), phía bắc và tây tiếp giáp với Campuchia [2].

VQG Lò Gò - Xa Mát thuộc khu vực rừng thường xanh đất thấp ở vùng Đông Nam bộ, có độ cao trung bình từ 15-20 m. Đất trong khu vực là loại đất xám trên phù sa cổ, các khu vực đất ngập nước có dạng đất xám đọng mùn tầng mặt. Vườn nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa với hai mùa rõ rệt (mùa mưa từ tháng 5-10, mùa khô từ tháng 11-4). Nhiệt độ trung bình khoảng 26,7°C. Lượng mưa trung bình năm là 1800 mm [4, 6].

Trong VQG có nhiều loại sinh cảnh khác nhau: rừng rụng lá, rừng nửa rụng lá, rừng thường xanh dọc theo các con lạch nhỏ, rừng tràm và các sinh cảnh đất ngập nước khác (đất ngập nước theo mùa, các sông và hồ ngập nước quanh năm, rừng ngập lụt theo mùa và các con suối, kênh lạch nhỏ).

### I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Sử dụng các phương pháp điều tra thực địa thông thường với các trang thiết bị nghe, nhìn, ghi âm hiện đại. Việc điều tra quan sát chim được tiến hành hàng ngày từ 6h đến 18h theo các điểm và tuyến xác định. Sử dụng các phương pháp Point count, Mackinon lists, time speed count cho việc tính số lượng, mật độ quần thể. Việc xác lập danh lục chim theo hệ thống phân loại của Võ Quý và Nguyễn Cử [10]. Tổng

hợp, thống kê số liệu của các đợt điều tra, sử dụng các tài liệu, sách hướng dẫn về chim để xác định, định loại.

### II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 1. Thành phần loài chim của VQG Lò Gò - Xa Mát

Tổng số 177 loài chim thuộc 16 bộ, 49 họ đã được ghi nhận tại VQG Lò Gò - Xa Mát, trong đó có hai loài chưa xác định được tới loài (bảng 2). Có 154/177 loài (90% tổng số loài) đã từng được ghi nhận tại VQG Nam Cát Tiên [7], là khu vực rừng trên đất liền đáng kể nhất còn lại ở vùng Nam Bộ. Điều này cho thấy mức độ tương ứng cao giữa hai khu vực do VQG Cát Tiên cũng có hầu hết các kiểu sinh cảnh tìm thấy ở VQG Lò Gò - Xa Mát. Tại sinh cảnh rừng rụng lá trên đất thấp, kiểu sinh cảnh chỉ còn tìm thấy tại VQG Lò Gò - Xa Mát, đã phát hiện 9 loài chỉ có ghi nhận tại khu vực này là vẹt má xám *Psittacula eupatria*, Vẹt đầu hồng *P. roseata*, hủn trắng *Athene brama*, Cu xanh chân vàng *Treron phoenicoptera*, diều xám *Butastur liventer*, giẻ cùi *Urocissa erythrorhyncha*, chàoang choạc hung *Dendrocitta vagabunda*, Phường chèo nhỏ *Pericrocotus cinnamomeus* và hút mật hòng đen *Nectarinia asiatica* là các loài chim rất đặc trưng cho kiểu sinh cảnh này [8].

Trong số 177 loài, có 4 loài có tên trong Sách Đỏ Thế giới [3, 5], đó là gà lôi hồng tía - *Lophura diardi* (NT), gà tiền mặt đỏ - *Polyplectron germaini* (VU), hồng hoàng - *Buceros bicornis* (NT), sếu cổ trụ - *Grus antigone* (VU) và 8 loài có tên trong Sách Đỏ Việt Nam [1]. Sự có mặt của 2 loài có vùng phân bố hẹp là gà tiền mặt đỏ - *Polyplectron*

*germaini* và chích chạch má xám - *Macronous kelleyi* chúng tỏ VQG Lò Gò - Xa Mát cũng đáp ứng đủ yêu cầu của vùng chim đặc hữu, vùng địa hình núi thấp Đông Nam bộ, đây là một trong ba vùng chim đặc hữu (EBA) của Việt Nam [9].

Trong số 8 loài chim bị đe dọa nói trên, có 4 loài đặc trưng cho các sinh cảnh rừng (gà lôi hồng tía, gà tiền mặt đỏ, hồng hoàng và đuôi cụt bụng vàng) và 4 loài đặc trưng cho các sinh cảnh đất ngập nước (sả mỏ rộng, sếu cổ trụ, cò nhạn và gạc cổ trắng). Điều này cho thấy nét đặc trưng độc đáo của khu hệ chim của Lò Gò - Xa Mát.

So sánh số loài chim tại VQG Lò Gò - Xa Mát với số loài chim của 11 VQG khác cho thấy thành phần loài tại đây khá phong phú và đa dạng (bảng 1).

Bảng 1

**So sánh số lượng loài chim của 12 VQG tại Việt Nam**

STT	Vườn quốc gia	Số lượng loài	Diện tích (ha)
1	Cát Tiên	318*	<b>73,200</b>
2.	Bạch Mã	249	<b>22,031</b>
3.	Cúc Phương	248	<b>22,200</b>
4.	Yok Don	245	<b>58,200</b>
5.	Bến En	194	<b>16,634</b>
<b>6.</b>	<b>Lò Gò - Xa Mát</b>	<b>177</b>	<b>18,765</b>
7.	Tam Đảo	158	<b>36,883</b>
8.	Ba Bể	140	<b>7,610</b>
9.	Cát Bà	124	<b>9,800</b>
10.	Ba Vì	114	<b>6,786</b>
11.	Tràm Chim	88	<b>7,588</b>
12.	Côn Đảo	69	<b>6,043</b>

(Nguồn số liệu từ các dự án khả thi thành lập VQG (Birdlife International Vietnam Programme).)

Tại VQG Lò Gò - Xa Mát đã ghi nhận 10 loài chim chỉ phân bố trong vùng địa sinh học nhiệt đới khô Indo-Malayan là cu rốc bụng nâu - *Megalaima lineata*, vẹt đầu hồng, cu xanh chân vàng, diều xám, chim khách - *Crypsirina temia*, phồng chèo nhỏ, sáo sậu - *Sturnus nigricollis*,

bông lau đầu đen - *Pycnonotus aurigaster*, bông lau tai vàng - *P. blanfordi*, sẻ bụi vàng - *Passer flaveolus* và 10 loài khác chỉ phân bố trong vùng địa sinh học rừng ẩm nhiệt đới Đông Dương: gà so ngực gụ - *Arborophila chloropus*, gà lôi hồng tía, thầy chùa đất đỏ - *Megalaima lagrandieri*, cu rốc đầu xám, đuôi cụt bụng vàng, chèo bẻo mỏ quạ - *Dicrurus annectans*, đớp ruồi hải nam - *Cyornis hainanus*, sáo sậu đầu trắng - *Sturnus burmannicus*, bông lau họng vạch - *Pycnonotus finlaysoni* và cành cạch nhỏ - *Iole propinqua*.

Sự có mặt của một số lượng lớn các loài từ hai vùng địa sinh học khác nhau tại VQG Lò Gò - Xa Mát đã phản ánh tính chất khảm của hai kiểu rừng bán thường xanh và rừng rụng lá trên đất thấp cũng như tính đặc trưng của khu hệ chim tại đây.

Ngoài ra, VQG Lò Gò - Xa Mát còn là nơi tập trung nhiều loài chim ăn thịt (11 loài), trong đó một số loài hiện nay rất hiếm cho Việt Nam như diều xám, đại bàng *Aquila sp.* Diều đầu nâu *Spizaetus cirrhatu*s lại được ghi nhận thường xuyên trong khu vực.

## 2. Tình trạng bảo vệ VQG Lò Gò - Xa Mát

Trước khi thành lập VQG đây là khu rừng đặc dụng lịch sử văn hóa với nhiều di tích kháng chiến còn sót lại. Việc tu bổ, quản lý và bảo vệ các di tích này là cần thiết, tuy nhiên chính điều này đã gây cản trở lớn cho công tác bảo vệ rừng tại khu vực.

Trong khu vực vườn, có hai cửa khẩu quốc tế với Campuchia là Lò Gò và Xa Mát nên việc đi lại của nhiều loại phương tiện giao thông diễn ra thường xuyên. Điều này dẫn tới tình trạng săn bắn còn khá phổ biến, việc dân cư hai nước qua lại biên giới vẫn còn chưa được kiểm soát. Các đôn biên phòng và một số cư dân sống trong khu vực rừng đã gây ảnh hưởng không nhỏ tới môi trường sống của các loài, đặc biệt là các loài nhạy cảm với sự thay đổi môi trường sống và đang bị đe dọa tuyệt chủng trên toàn cầu.

Bên cạnh đó, do điều kiện địa hình và sinh cảnh có thể đi lại dễ dàng nên tình trạng săn bắn, khai thác gỗ lậu vẫn còn diễn ra thường xuyên, dân cư trong khu vực vùng đệm sống chủ yếu phụ thuộc vào rừng nên việc kiểm soát, bảo vệ cần có sự cố gắng nỗ lực của ban quản lý.

Danh lục các loài chim ghi nhận tại Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát

TT	Tên thường gọi	Tên Khoa học	Người quan sát	Ghi chú		
				1	2	3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	<b>I. Bộ Hạc</b>	<b>Ciconiformes</b>				
	<b>1. Họ Diệc</b>	<b>Ardeidae</b>				
1	Cò ngàng nhỏ	<i>Egretta garzetta</i>	1, 3			
2	Diệc xám	<i>Ardea cinerea</i>	1, 3			
3	Diệc lửa	<i>A. purpurea</i>	1, 2, 3			
4	Cò ruồi	<i>Bubulcus ibis</i>	1, 3, 4			
5	Cò bọ	<i>Ardeola sp.</i>	1, 2, 3, 4			
6	Vạc	<i>Nycticorax nycticorax</i>	3			
7	Cò lửa lùn	<i>Ixobrychus sinensis</i>	1			
8	Cò hương	<i>Dupetor flavicollis</i>	1			
	<b>2. Họ Hạc</b>	<b>Ciconiidae</b>				
9	Cò nhạn, Cò ốc	<i>Anastomus oscitans</i>	1		R	
10	Hạc cổ trắng, khoang cổ	<i>Ciconia episcopus</i>	2		R	
	<b>II. Bộ Ngỗng</b>	<b>Anseriformes</b>				
	<b>3. Họ Vịt</b>	<b>Anatidae</b>				
11	Le nâu	<i>Dendrocygna javanica</i>	1			
	<b>III. Bộ Cắt</b>	<b>Falconiformes</b>				
	<b>4. Họ Ó cá</b>	<b>Pandionidae</b>				
12	Ó cá	<i>Pandion haliaetus</i>	1, 3			
	<b>5. Họ Ưng</b>	<b>Accipitridae</b>				
13	Diều ăn ong	<i>Pernis ptilorhynchus</i>	1, 4			
14	Diều trắng	<i>Elanus caeruleus</i>	1, 3, 4			
15	Diều lửa	<i>Haliastur indus</i>	3			
16	Diều hoa miến điện	<i>Spilornis cheela</i>	1, 3, 4			
17	Diều đầu trắng	<i>Circus aeruginosus</i>	1			
18	Ưng xám	<i>A. badius</i>	1, 2, 3, 4			
19	Ưng nhật bản	<i>A. gularis</i>	4			
20	Diều xám	<i>Butastur liventer</i>	1, 4			
21	Đại bàng	<i>Aquila sp.</i>	1			
22	Diều đầu nâu	<i>Spizaetus cirrhatus</i>	1, 4			
	<b>IV. Bộ Gà</b>	<b>Galliformes</b>				
	<b>6. Họ Trĩ</b>	<b>Phasianidae</b>				
23	Đa đa	<i>Francolinus pintadeanus</i>	1, 3, 4			
24	Gà so ngực gụ	<i>Arborophila chloropus</i>	1, 3			
25	Gà rừng	<i>Gallus gallus</i>	1, 2, 3, 4			
26	Gà lôi hồng tía	<i>Lophura diardi</i>	1, 4	NT	T	
27	Gà tiên mặt đỏ	<i>Polyplectron germaini</i>	1	VU	T	RRS
	<b>V. Bộ Sếu</b>	<b>Gruiformes</b>				
	<b>7. Họ Cùn cút</b>	<b>Turnicidae</b>				
28	Cùn cút lưng nâu	<i>Turnix suscitator</i>	3, 4			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	<b>8. Họ Sếu</b>	<b>Gruidae</b>				
29	[Sếu cổ trụ]	[ <i>Grus antigone</i> ]	5	VU	V	
	<b>9. Họ gà nước</b>	<b>Rallidae</b>				
30	Gà nước họng nâu	<i>Rallina fasciata</i>	1			
31	Cuốc ngực trắng	<i>Amaurornis phoenicurus</i>	1, 4			
32	Gà đồng	<i>Gallicrex cinerea</i>	1			
	<b>VI. Bộ Rẽ</b>	<b>Charadriiformes</b>				
	<b>10. Họ Dò nách</b>	<b>Glareolidae</b>				
33	Dò nách nâu	<i>Glareola maldivarum</i>	1, 4			
	<b>11. Họ Choi Choi</b>	<b>Charadriidae</b>				
34	Te vàng	<i>Vanellus cinereus</i>	1			
35	Te vật	<i>V. indicus</i>	1, 4			
	<b>12. Họ Rẽ</b>	<b>Scolopacidae</b>				
36	Rẽ giun á châu	<i>Gallinago stenura</i>	1			
	<b>VII. Bộ Bò câu</b>	<b>Columbiformes</b>				
	<b>13. Họ Bò câu</b>	<b>Columbidae</b>				
37	Cu gáy	<i>Streptopelia chinensis</i>	1, 2, 3, 4			
38	Cu ngói	<i>S. tranquebarica</i>	1, 4			
39	Cu luồng	<i>Chalcophaps indica</i>	2, 3, 4			
40	Cu xanh đầu xám	<i>Treron vernans</i>	4			
41	Cu xanh khoang cổ	<i>T. bicincta</i>	1			
42	Cu xanh đuôi đen	<i>T. pompadora</i>	4			
43	Cu xanh mỏ quạp	<i>T. curvirostra</i>	1, 3, 4			
44	Cu xanh chân vàng	<i>T. phoenicoptera</i>	1			
45	Gâm ghì lưng xanh	<i>Ducula aenea</i>	1, 2, 4			
46	[Gâm ghì lưng nâu]	[ <i>D. badia</i> ]	3			
	<b>VIII. Bộ Vẹt</b>	<b>Psittaciformes</b>				
	<b>14. Họ Vẹt</b>	<b>Psittacidae</b>				
47	Vẹt lùn	<i>Loriculus vernalis</i>	1, 4			
48	Vẹt má xám	<i>Psittacula eupatria</i>	1, 2			
49	Vẹt đầu hồng	<i>P. roseata</i>	1, 4			
50	Vẹt ngực đỏ	<i>P. alexandri</i>	1, 2, 3, 4			
	<b>IX. Bộ Cu cu</b>	<b>Cuculiformes</b>				
	<b>15. Họ Cu cu</b>	<b>Cuculidae</b>				
51	Tim vịt	<i>Cacomantis merulinus</i>	4			
52	Tu hú	<i>Eudynamis scolopacea</i>	2, 3			
53	Phuón	<i>Phaenicophaeus tristis</i>	1, 3, 4			
54	Bìm bịp lớn	<i>Centropus sinensis</i>	1, 2, 3, 4			
55	Bìm bịp nhỏ	<i>C. bengalensis</i>	1, 3			
	<b>X. Bộ Cú</b>	<b>Strigiformes</b>				
	<b>16. Họ Cú mèo</b>	<b>Strigidae</b>				
56	Cú vọ	<i>Glaucidium cuculoides</i>	1, 2, 4			
57	Hù trán trắng	<i>Athene brama</i>	2			
58	Cú vọ lưng nâu	<i>Ninox scutulata</i>	4			
	<b>XI. Bộ Cú muỗi</b>	<b>Caprimulgiformes</b>				
	<b>17. Họ Cú muỗi</b>	<b>Caprimulgidae</b>				

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
59	Cú muỗi mào	<i>Eurystopodus macrotis</i>	4			
60	Cú muỗi đuôi dài	<i>Caprimulgus macrurus</i>	1			
	<b>XII. Bộ Yến</b>	<b>Apodiformes</b>				
	<b>18. Họ Yến</b>	<b>Apodidae</b>				
61	Yến đuôi cứng lớn	<i>Hirundapus giganteus</i>	1			
62	Yến cọ	<i>Cypsiurus balasiensis</i>	1, 3, 4			
63	Yến hông trắng	<i>Apus pacificus</i>	3			
	<b>19. Họ Yến mào</b>	<b>Hemiprocnidae</b>				
64	Yến mào	<i>Hemiproctne coronata</i>	2			
	<b>XIII. Bộ Nước</b>	<b>Trogoniformes</b>				
	<b>20. Họ Nước</b>	<b>Trogonidae</b>				
65	Nước bụng vàng	<i>Harpactes oreskios</i>	1			
	<b>XIV. Bộ Sả</b>	<b>Coraciiformes</b>				
	<b>21. Họ Bói cá</b>	<b>Alcedinidae</b>				
66	Bồng chanh	<i>Alcedo atthis</i>	1, 3			
67	Bồng chanh đỏ	<i>Ceyx erithacus</i>	1			
68	Sả văn	<i>Lacedo pulchella</i>	1, 4			
69	Sả mỏ rộng	<i>Halcyon capensis</i>	1			T
70	Sả đầu nâu	<i>H. smyrnensis</i>	1, 3, 4			
71	Sả đầu đen	<i>H. pileata</i>	1, 3			
72	Bói cá nhỏ	<i>Ceryle rudis</i>	3			
	<b>22. Họ Trâu</b>	<b>Meropidae</b>				
73	Trâu lớn	<i>Nyctyornis athertoni</i>	1, 4			
74	Trâu đầu hung	<i>Merops orientalis</i>	1			
	<b>23. Họ Sả rừng</b>	<b>Coraciidae</b>				
75	Sả rừng	<i>Coracias benghalensis</i>	1, 2, 4			
76	Yểng quạ	<i>Eurystomus orientalis</i>	1, 2, 4			
	<b>24. Họ đầu riu</b>	<b>Upupidae</b>				
77	Đầu riu	<i>Upupa epops</i>	1, 4			
	<b>25. Họ Hồng hoàng</b>	<b>Bucerotidae</b>				
78	Cao cát bụng trắng	<i>Anthracoceros albirostris</i>	1, 2, 3, 4			
79	[Hồng hoàng]	[ <i>Buceros bicornis</i> ]	5	NT	T	
	<b>XV. Bộ Gõ kiến</b>	<b>Piciformes</b>				
	<b>26. Họ Cu róc</b>	<b>Capitonidae</b>				
80	Thầy chùa đít đỏ	<i>Megalaima lagrandieri</i>	4			
81	Thầy chùa bụng nâu	<i>M. lineata</i>	1, 2, 4			
82	Thầy chùa đầu xám	<i>M. faiostriata</i>	1, 2, 3, 4			
83	Cu róc đầu đen	<i>M. australis</i>	1, 4			
84	Cu róc cổ đỏ	<i>M. haemacephala</i>	1, 2			
	<b>27. Họ Gõ kiến</b>	<b>Picidae</b>				
85	Gõ kiến nhỏ đầu xám	<i>Dendrocopos canicapillus</i>	1, 4			
86	Gõ kiến đen bụng trắng	<i>Dryocopus javensis</i>	4			
87	Gõ kiến xanh gáy vàng	<i>Picus flavinucha</i>	2, 3			
88	Gõ kiến xanh bụng vàng	<i>P. vittatus</i>				
89	Gõ kiến vàng nhỏ	<i>Dinopium javanense</i>	1, 4			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
90	Gõ kiến vàng lớn	<i>Chrysocolaptes lucidus</i>	1, 4			
91	Gõ kiến nâu cổ đỏ	<i>Blythipicus pyrrhotis</i>	3			
92	Gõ kiến đen họng trắng	<i>Hemicircus canente</i>	1			
	<b>XVI. Bộ Sẻ</b>	<b>Passeriformes</b>				
	<b>28. Họ đuôi cụt</b>	<b>Pittidae</b>				
93	Đuôi cụt bụng vạch	<i>Pitta elliotii</i>	1		T	
	<b>29. Họ Sơn ca</b>	<b>Alaudidae</b>				
94	Sơn ca đông dương	<i>Mirafra marionae</i>	1, 4			
	<b>30. Họ Nhạn</b>	<b>Hirundinidae</b>				
95	Nhạn bụng trắng	<i>Hirundo rustica</i>	1, 2, 4			
96	Nhạn bụng xám	<i>H. daurica</i>	3			
	<b>31. Họ Chìa vôi</b>	<b>Motaciliidae</b>				
97	Chìa vôi	<i>Motacilla sp.</i>	1			
98	Chim manh lớn	<i>Anthus rufulus</i>	1			
	<b>32. Họ phường chèo</b>	<b>Campephagidae</b>				
99	Phường chèo xám lớn	<i>Coracina macei</i>	1, 2, 4			
100	Phường chèo xám	<i>C. melaschistos</i>	2, 4			
101	Phường chèo trắng lớn	<i>Pericrocotus divaricatus</i>	4			
102	Phường chèo nhỏ	<i>P. cinnamomeus</i>	4			
103	Phường chèo đỏ lớn	<i>P. flammeus</i>	4			
104	Phường chèo nâu	<i>Tephrodornis gularis</i>	2, 4			
105	Phường chèo đen	<i>Hemipus picatus</i>	1, 4			
	<b>33. Họ Chào mào</b>	<b>Pycnonotidae</b>				
106	Chào mào vàng đầu đen	<i>Pycnonotus atriceps</i>	4			
107	Chào mào vàng mào đen	<i>P. melanicterus</i>	1, 3, 4			
108	Chào mào	<i>P. jocosus</i>	3			
109	Bông lau đất đỏ	<i>P. aurigaster</i>	1, 4			
110	Bông lau họng vạch	<i>P. finlaysoni</i>	1, 4			
111	Bông lau tai vằn	<i>P. blanfordi</i>	1, 4			
112	[Cành cạch lớn]	[ <i>Alophoixus pallidus</i> ]	3			
113	Cành cạch bụng hung	<i>A. ochraceus</i>	1, 2, 4			
114	Cành cạch nhỏ	<i>Iole propinqua</i>	4			
	<b>34. Họ Chim xanh</b>	<b>Irenidae</b>				
115	Chim nghệ ngực vàng	<i>Aegithina tiphia</i>	4			
116	Chim nghệ lớn	<i>A. lafresnayeii</i>	1, 4			
117	Chim lam	<i>Irena puella</i>	1, 3, 4			
118	Chim xanh nam bộ	<i>Chloropsis cochinchinensis</i>	1, 4			
119	Chim xanh trán vàng	<i>C. aurifrons</i>	1, 4			
	<b>35. Họ Bách thanh</b>	<b>Laniidae</b>				
120	Bách thanh mày trắng	<i>Lanius cristatus</i>	1, 4			
121	Bách thanh nhỏ	<i>L. collurioides</i>	1, 4			
	<b>36. Họ Chích choè</b>	<b>Turdinae</b>				
122	Oanh lưng xanh	<i>Luscinia cyane</i>	1, 4			
123	Chích chòe	<i>Copsychus saularis</i>	1, 3			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
124	Sẻ bụi đầu đen	<i>Saxicola torquata</i>	1, 4			
125	Sẻ bụi đen	<i>S. caprata</i>	1			
	<b>37. Họ Khướu</b>	<b>Timaliidae</b>				
126	Khướu đầu trắng	<i>Garrulax leucolophus</i>	1, 2, 4			
127	Chuối tiêu mỏ to	<i>Malacocincla abbotti</i>	4			
128	Chuối tiêu đất	<i>Pellorneum tickelli</i>	1, 4			
129	Chuối tiêu ngực đốm	<i>P. ruficeps</i>	1, 4			
130	Chuối tiêu đuôi ngắn	<i>Malacopteron cinereum</i>	1, 4			
131	Họa mi đất mỏ dài	<i>Pomatorhinus hypoleucos</i>	1			
132	Chích chạch má vàng	<i>Macronous gularis</i>	1, 2, 3, 4			
133	Chích chạch má xám	<i>M. kelleyi</i>	1			RRS
134	Họa mi nhỏ	<i>Timalia pileata</i>	4			
135	Lách tách mày đen	<i>Alcippe grotei</i>	1, 2, 4			
136	Khướu bụi họng trắng	<i>Yuhina zantholeuca</i>	1			
	<b>38. Họ chim chích</b>	<b>Sylviidae</b>				
137	Chích đầm lầy nhỏ	<i>Locustella lanceolata</i>	1			
138	Chích đuôi dài	<i>Orthotomus sutorius</i>	1			
139	Chích bông cánh vàng	<i>O. atrogularis</i>	1, 4			
140	Chích bụng trắng	<i>Phylloscopus schwarzi</i>	1			
141	Chiền chiện đầu nâu	<i>Prinia rufescens</i>	4			
142	Chiền chiện lưng xám	<i>P. hodgsonii</i>	4			
143	Chiền chiện bụng vàng	<i>P. flaviventris</i>	4			
144	Chiền chiện bụng hung	<i>P. inornata</i>	1			
	<b>39. Họ Đớp ruồi</b>	<b>Muscicapidae</b>				
145	Đớp ruồi nâu	<i>Muscicapa dauurica</i>	1, 4			
146	Đớp ruồi hải nam	<i>Cyornis hainanus</i>	4			
	<b>40. Họ Rẻ quạt</b>	<b>Mornarchidae</b>				
147	Đớp ruồi xanh gáy đen	<i>Hypothymis azurea</i>	1, 4			
148	[Rẻ quạt họng trắng]	[ <i>Rhipidura albicollis</i> ]	3			
149	Thiên đường đuôi phướn	<i>Terpsiphone paradisi</i>	1			
	<b>41. Họ trèo cây</b>	<b>Sittidae</b>				
150	Trèo cây trán đen	<i>Sitta frontalis</i>	3			
	<b>42. Họ chim sâu</b>	<b>Dicaeidae</b>				
151	Chim sâu lưng đỏ	<i>Dicaeum cruentatum</i>	1			
	<b>43. Họ hút mật</b>	<b>Nectariniidae</b>				
152	Hút mật bụng hung	<i>Anthreptes singalensis</i>	1, 4			
153	Hút mật bụng vạch	<i>Hypogramma hypogrammicum</i>	1, 4			
154	Hút mật họng hồng	<i>Nectarinia sperata</i>	1, 4			
155	Hút mật họng tím	<i>N. jugularis</i>	1, 4			
156	Hút mật họng đen	<i>N. asiatica</i>	4			
157	Hút mật đỏ	<i>Aethopyga siparaja</i>	1			
	<b>44. Họ Chim di</b>	<b>Estrildidae</b>				
158	Di cam	<i>Lonchura striata</i>	1, 4			
	<b>45. Họ sẻ</b>	<b>Ploceidae</b>				

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
159	Sẻ bụi vàng	<i>Passer flaveolus</i>	4			
160	Sẻ nhà	<i>P. montanus</i>	1, 3, 4			
	<b>46. Họ sáo</b>	<b>Sturnidae</b>				
161	Sáo sậu	<i>Sturnus nigricollis</i>	1, 3, 4			
162	Sáo sậu đầu trắng	<i>S. burmannicus</i>	1, 4			
163	Sáo nâu	<i>Acridotheres tristis</i>	1			
164	Sáo mỏ vàng	<i>A. cinereus</i>	3			
165	[Sáo mỏ ngà]	[ <i>A. cristatellus</i> ]	3			
166	Yểng	<i>Gracula religiosa</i>	1, 4			
	<b>47. Họ vàng anh</b>	<b>Oriolidae</b>				
167	Vàng anh trung quốc	<i>Oriolus chinensis</i>	1, 3, 4			
168	Vàng anh đầu đen	<i>O. xanthornus</i>	1, 3, 4			
	<b>48. Họ Chèo bẻo</b>	<b>Dicruridae</b>				
169	Chèo bẻo đen	<i>Dicrurus macrocercus</i>	1, 3, 4			
170	Chèo bẻo xám	<i>D. leucophaeus</i>	1, 4			
171	Chèo bẻo mỏ quạ	<i>D. annectans</i>	1, 4			
172	Chèo bẻo rừng	<i>D. aeneus</i>	1, 3, 4			
173	Chèo bẻo bờm	<i>D. hottentottus</i>	1, 2, 4			
174	Chèo bẻo cờ đuôi chẻ	<i>D. paradiseus</i>	1, 2, 3, 4			
	<b>49. Họ Quạ</b>	<b>Corvidae</b>				
175	Giẻ cùi	<i>Urocissa erythrorhyncha</i>	1			
176	Choàng choạc hung	<i>Dendrocitta vagabunda</i>	1, 4			
177	Chim khách	<i>Crypsirina temia</i>	1, 4			

*Ghi chú:* Hệ thống phân loại theo Võ Quý và Nguyễn Cử [10] trừ gà so ngực gụ - *Arborophila chloropus*, lách tách mày đen - *Alcippe grotei* và sơn ca đồng dương - *Mirafra marionae*, theo Robson (2000).

Cột 4:1 = Theo ghi nhận của A. W. Tordoff và Lê Mạnh Hùng, 11-19/10/2001

2. Theo ghi nhận của J. C. Eames, 30/01/2001

3. Theo ghi nhận của Lê Trọng Trãi và Trần Hiếu Minh 25-29/12/1999

4. Theo ghi nhận của A. Zinoviev 18/10 - 9/11/2001.

5. Thông tin từ dân địa phương có thể tin tưởng được theo ghi nhận của A. W. Tordoff và Lê Mạnh Hùng.

Ngoặc vuông [ ] chỉ các loài ghi nhận tạm thời.

Cột 5: VU. sắp nguy cấp, NT. gần bị đe dọa theo BirdLife International (2001),

Cột 6: V. cấp nguy cấp, R. hiếm, T. Bị đe dọa theo Anon. (1992).

Cột 7: RRS. loài có vùng phân bố hẹp theo Stattersfield và cs. [9].

### III. KẾT LUẬN

Thành phần loài chim của VQG Lò Gò - Xa Mát khá đa dạng và phong phú. Khu vực được đặc trưng bởi sự đa dạng về sinh cảnh sống, dẫn tới đa dạng về thành phần loài, đã có 177 loài chim được ghi nhận, trong đó 4 loài có tên trong Sách Đỏ Thế giới, 8 loài có tên trong Sách Đỏ Việt Nam và 2 loài có vùng phân bố hẹp trong vùng chim đặc hữu núi thấp Đông Nam bộ.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Anon. 1992: Sách đỏ Việt Nam, phần 1:

động vật. NXB KH&KT, Hà Nội.

2. Anon. 1999: Rừng bảo vệ mtr và phòng hộ biên giới Chàng Riệp, tỉnh Tây Ninh. Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tỉnh Tây Ninh.

3. BirdLife International, 2001: Threatened birds of Asia: the BirdLife International Red Data Book. U.K.: BirdLife International, Cambridge

4. BirdLife International Vietnam Programme and the Forest Inventory and Planning Institute, 2001: Source book of



- existing and proposed protected areas in Vietnam. Hanoi.
5. **IUCN**, 2000: Red List of Threatened species. Gland and Cambridge.
  6. **Le Trong Trai, Tran Hieu Minh**, 2000: A rapid field survey of Kalon Song Mao nature reserve (Binh Thuan province) and Lo Go-Sa Mat Nature Reserve (Tay Ninh province). Birdlife International Vietnam Programme and the Forest Inventory and Planning Institute, Hanoi.
  7. **Polet G., Pham Huu Khanh**, 1999: List of birds of Cattien national park. Ho Chi Minh City Publishing House.
  8. **Robson C. R.**, 2000: A field guide to the birds of Thailand and South-East Asia. Asia Books, Bangkok.
  9. **Stattersfield A. J. et al.**, 1998: Endemic bird areas of the world: priorities for biodiversity conservation. U.K.: Birdlife International, Cambridge.
  10. **Võ Quý, Nguyễn Cử**, 1995: Danh lục chim Việt Nam. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

## THE AVIFAUNA OF LOGO - XAMAT NATIONAL PARK, TAYNINH PROVINCE

LE MANH HUNG, A. W. TORDOFF.

### SUMMARY

The total of 177 bird species belonging to 16 orders, 49 families were recorded in the Logo - Xamat National Park, Tayninh province.

Of the 177 species, 4 species are listed in the *2000 IUCN Red List of Threatened Species* (IUCN 2000) as globally threatened or near-threatened, and 8 species are listed in the *Red Data Book of Vietnam* (Anon. 1992). Furthermore, the Logo - Xamat supports two (germain's peacock pheasant *Polyplectron germaini* and Grey-faced Tit Babbler *Macronous kelleyi*) of the three restricted-range species that define the South Vietnamese Lowlands Endemic Bird Area (EBA) (Stattersfield *et al.* 1998). Therefore, the Logo - Xamat national park qualifies for inclusion within this EBA.

Among the 8 species listed in the *2000 IUCN Red List of Threatened Species* (IUCN 2000) or the *Red Data Book of Vietnam* (Anon. 1992), 4 are characteristic of forest habitats (siamese fireback, germain's peacock pheasant, Great Hornbill and Bar-bellied pitta) and 4 are characteristic of wetland habitats (Stork-billed kingfisher, sarus crane, asian openbill and Woolly-necked Stork).

*Ngày nhận bài: 29-8-2002*